

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001153

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 07**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022**

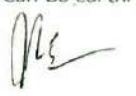
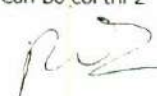
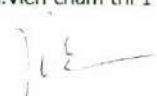
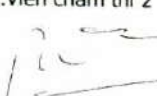
Giờ: **12:30**

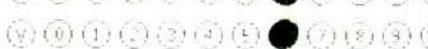
Phòng thi: **D4-25**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  NN Châu	Cán bộ coi thi 2  P.U. Mel	G.Viên chấm thi 1  NN Châu	G.Viên chấm thi 2  P.U. Mel
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120170180	PHUNG MINH CHIẾN	01/01/2002	CCQ2017F				7.1	45	5.5		
2	2120170183	LÊ QUANG DŨNG	22/12/2002	CCQ2017F				8.8	60	7.1		
3	2120170182	NGUYỄN ĐÌNH DUY	04/10/2002	CCQ2017F				7.8	52	6.2		
4	2118100247	NGUYỄN THỊ THANH ĐÀO	19/11/2000	CCQ1810D				7.7	42	5.6		
5	2120180010	CAO HÀI ĐĂNG	12/06/2002	CCQ2018A				7.9	63	6.9		
6	2120170686	DƯƠNG THÀNH ĐÔ	25/04/2002	CCQ2017F				7.4	58	6.4		
7	2120220003	LÊ GIỒNG	18/09/2002	CCQ2022A				9.3	61	7.4		
8	2120260007	BÙI THỊ KHÁNH HÀ	08/09/2002	CCQ2026A				8.4	50	6.4		
9	2120170186	TRẦN VĂN HIẾU	16/10/2002	CCQ2017F				8.2	64	7.1		
10	2120170147	ĐẶNG ANH HOÀI	07/12/2002	CCQ2017E								
11	2120170149	TRƯƠNG THÀNH KIẾN	14/05/2002	CCQ2017E				8.5	50	6.4		
12	2120170119	NGUYỄN ANH KIỂU	27/12/2000	CCQ2017D				7.5	51	6.1		
13	2120260050	NGUYỄN THỊ TUYẾT LAN	11/10/2002	CCQ2026B				8.4	52	6.5		
14	2120260052	LƯƠNG THỊ LY	20/02/2002	CCQ2026B				7.9	64	7.0		
15	2118060026	BÙI QUANG PHƯỚC	10/02/2000	CCQ1806A				7.5	66	7.0		
16	2120170199	HÀN VĂN QUANG	13/04/2002	CCQ2017F				8	45	5.9		
17	2120170234	MAI THÁI SƠN	23/06/2002	CCQ2017G				8.9	76	8.1		
18	2120200200	TRẦN THỊ THU	02/10/2002	CCQ2020F				7.5	77	7.6		
19	2120180029	HỒ TRUNG TÍN	27/08/2000	CCQ2018A				7.4	50	6.0		
20	2120190063	ĐẶNG THỊ THU TRANG	03/05/2002	CCQ2019B				8.8	44	6.2		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001153

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 07**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022**

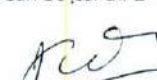
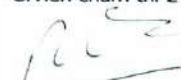
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D4-25**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Châu	Cán bộ coi thi 2  P. V. M.	G. Viên chấm thi 1  Nguyễn Châu	G. Viên chấm thi 2  P. V. M.
--	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2118100225	NGUYỄN THÚY TRÂM	03/07/2000	CCQ1810C				7.4	44	5.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2119200064	NGUYỄN NGỌC TRÍ	11/03/2001	CCQ1920B				8	64	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2120100305	LÊ PHẠM KIỀU TRINH	14/07/2002	CCQ2010I				9.2	70	7.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2120180031	LÊ ĐAN TRƯỜNG	20/01/2000	CCQ2018A				8.4	46	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2120180032	PHẠM QUỐC TUẤN	28/01/2002	CCQ2018A				8.3	61	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2120120381	NGUYỄN LÊ DUY TÙNG	05/11/2002	CCQ2012K				8.2	59	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2119120417	DƯƠNG VĂN TUYẾN	09/10/1999	CCQ1912L				7.6	51	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2120180033	LÊ ĐIỀN VĂN	04/03/2002	CCQ2018A				8.5	50	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2120200205	PHẠM QUỐC VIỆT	03/09/2002	CCQ2020F							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2120170177	HUỲNH VĂN VƯƠNG	26/03/2002	CCQ2017E				8.4	68	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001154

Trang : 1/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 09**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: **49**

Số bài thi: **49**

Số tờ giấy thi: **1**

Cán bộ coi thi 1 Ng. T.P. Linh	Cán bộ coi thi 2 Đ.T.T. Nhi	G.Viên chấm thi 1 Nguyen T.P. Linh	G.Viên chấm thi 2 Đ.T.T. Nhi
---------------------------------------	------------------------------------	---	-------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120110336	PHẠM TRẦN ANH	30/01/2001	CCQ2011C				6.9	6.3	6.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120170040	CAO ĐÌNH BẢNG	22/07/2002	CCQ2017B				6.6	6.4	6.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120110072	LÂM CHÍ BÌNH	01/07/2002	CCQ2011C				6.8	6.0	6.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2120110107	NGUYỄN XUÂN CẢNH	12/09/2001	CCQ2011D				6.9	7.4	7.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2120110110	NGUYỄN HOÀNG ANH CÔNG	22/11/2002	CCQ2011D				6.3	7.4	7.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2120170046	TRẦN QUỐC CƯỜNG	26/10/2002	CCQ2017B				7.3	7.5	7.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120110075	VÕ THỊ BÍCH DU	01/07/2002	CCQ2011C				7.2	7.3	7.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2119140002	LÊ VĂN DŨNG	30/11/2001	CCQ1914A				5.7	0	2.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120200143	NGUYỄN VĂN DUY	25/03/2002	CCQ2020E				0.7	0	0.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2120240095	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	28/03/2002	CCQ2020J				6.4	5.7	6.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120110076	TRẦN XUÂN ĐẠT	02/08/2001	CCQ2011C				8.5	7.7	8.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120170567	BÙI CÔNG ĐIỀN	25/12/2001	CCQ2017Q							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120170711	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	12/01/2002	CCQ2017L				6.4	7.3	6.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120100320	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẠ	18/11/2002	CCQ2010J				4.2	6.4	5.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120110337	NGUYỄN VĂN HÀO	02/07/2002	CCQ2011C				8.6	7.2	7.8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120240099	PHẠM THỊ HẰNG	13/01/2002	CCQ2020I				7.9	8.0	8.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2120170359	NGUYỄN VĂN HẬU	05/10/2002	CCQ2017K				6.2	5.1	5.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120260256	NGUYỄN VĂN HIỆU	10/05/2002	CCQ2011D				5.9	7.7	7.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2120170364	HUYỀN NGUYỄN NGỌC HUY	27/05/2002	CCQ2017K				5.8	6.0	5.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120110085	NGUYỄN TẤN KHANG	12/10/2002	CCQ2011C				7.6	7.2	7.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001154

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 09**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022**

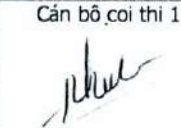
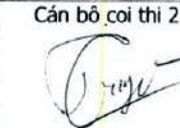
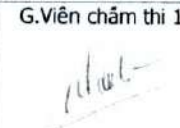
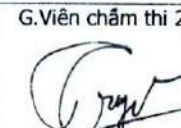
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: **49**

Số bài thi: **19**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Ng T P Linh	 Đ T T Nhi	 Nguyễn T Phái	 Đ T T Nhi

STT	Mã SV	Họ và tên SV	KHOA	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120110117	NGUYỄN ĐÌNH	KHOA	29/03/2002	CCQ2011D			Khoa	5.6	5.7	5.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2120120428	LÊ TRỌNG	KHƯƠNG	07/07/2000	CCQ2012M			Truong	7.4	7.5	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2120240104	NGUYỄN THỊ MỸ	LÊ	31/10/2002	CCQ2020J			My	7.1	6.0	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2120110120	HỒ CAO	LONG	16/04/2001	CCQ2011D			Long	6.2	4.8	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2120110090	TRẦN VĂN	MINH	27/10/2002	CCQ2011C			Minh	6.7	5.2	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2120120465	THÁI THỊ KIỀU	MY	04/02/2002	CCQ2012N			Kieu	6.3	6.4	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2120110227	TRẦN VĂN	NAM	20/06/2002	CCQ2012R			Nam	7.1	7.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2120110093	TRẦN TRỌNG	NHÂN	25/02/2002	CCQ2011C			Nhan	7.0	5.2	5.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
29	2120170059	NGUYỄN MINH	PHỤNG	29/12/2002	CCQ2017B			Phung	5.6	7.7	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
30	2120110095	PHAN VĂN	QUANG	25/03/2001	CCQ2011C			Quang	7.1	7.5	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2120110096	TÔ NHẬT	QUÂN	20/08/2002	CCQ2011C			Nhat	6.5	6.7	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2120170376	TRƯƠNG BÁ	QUYÊN	13/10/2001	CCQ2017K			Truong	6.1	5.9	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2120140060	NGUYỄN GIANG	SƠN	10/07/2002	CCQ2014B			Son	7.2	7.7	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2119110228	PHAN BIÊN	SƠN	14/12/2000	CCQ1911G			Son	4.3	8.0	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2120170066	LÊ VIỆT	THẮNG	13/11/2002	CCQ2017B			Thang	6.8	6.4	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2120170027	NGÔ QUỐC	THIỆN	15/07/2002	CCQ2017A			Thien	8.2	7.0	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2120170378	CAO TRẦN MINH	THÔNG	03/11/2002	CCQ2017K			Thong	6.6	7.4	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2120110131	NGUYỄN LÊ CẢNH	TIÊN	12/06/2002	CCQ2011D			Tien	7.3	7.2	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2120110132	HỒ VĂN	TÌNH	11/11/2001	CCQ2011D			Thinh	6.8	5.6	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2120110099	LÊ VĂN	TÌNH	18/10/2002	CCQ2011C			Thinh	6.7	7.8	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001154

Trang : 3/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 09**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: **49**

Số bài thi: **49**

Số tờ giấy thi: **49**

Cán bộ coi thi 1 <i>phuc</i> Ng. T. P. Liac	Cán bộ coi thi 2 <i>Trang</i> Đ. T. T. Nh.	G. Viên chấm thi 1 <i>phuc</i> Nguyễn T. P. Liac	G. Viên chấm thi 2 <i>Trang</i> Đ. T. T. Nh.
---	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120170709	PHẠM VŨ TOÀN	04/11/2002	CCQ2017K			<i>Loan</i>	8.3	7.9	8.1	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	2120110100	HUỖNH THIẾU TỔNG	30/11/2002	CCQ2011C			<i>Loan</i>	6.6	6.8	6.7	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	2120260272	ĐỖ NHÃ TRÚC	29/10/2002	CCQ2026H			<i>Truc</i>	6.8	8.0	7.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	2120110103	LÊ QUỐC TRUNG	25/01/2002	CCQ2011C			<i>Trung</i>	7.5	7.2	7.3	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	2120170384	DƯƠNG VĂN TUẤN	12/04/2002	CCQ2017K			<i>Tuan</i>	7.3	7.4	7.4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	2120120205	THIẾU QUANG TUẤN	05/10/2000	CCQ2012F			<i>Tuan</i>	5.7	4.9	5.2	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	2120110104	HUỖNH ANH VŨ	15/01/2001	CCQ2011C			<i>Vu</i>	6.6	6.7	6.7	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	2120170352	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	30/04/2001	CCQ2017J			<i>Vuong</i>	6.5	6.3	6.4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	2120170386	TRẦN THANH VƯƠNG	28/10/2002	CCQ2017K			<i>Vuong</i>	5.4	5.6	5.5	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	2120110105	HUỖNH THỊ Ý	09/10/2002	CCQ2011C			<i>Thy</i>	5.7	6.8	6.4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001155

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 11**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D4-21**

Đ: 28

H: 02

Số SV có mặt: 30

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120170719	LÀM LÝ AN	26/05/2002	CCQ2017M				88	80	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120180036	NGUYỄN VĂN CẢNH	24/03/2001	CCQ2027F				60	30	42	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120200141	ĐÀO THỊ NGỌC CHUYỀN	05/05/2002	CCQ2020E				82	66	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2120200144	THANH THỊ KIM DUYỀN	25/02/2002	CCQ2020E				80	50	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2120100042	ĐIỀU THỊ NGỌC HÂN	11/05/2002	CCQ2010B				83	78	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2120170395	TRẦN VĂN HIẾU	23/01/2002	CCQ2017L				78	59	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120260045	VŨ HỮU HIẾU	18/10/2001	CCQ2026B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120170436	NGUYỄN HUY HOÀNG	10/12/2001	CCQ2017M				75	44	56	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120170401	HOÀNG VĂN HÙNG	02/06/2002	CCQ2017L				70	45	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2120120711	NGUYỄN THANH HUYỀN	15/05/2002	CCQ2012P				45	0.6	22	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120040029	PHẠM CÔNG LÂN	29/01/1998	CCQ2004A				88	77	81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120260012	NE ÁNG ĐAL LINE	28/05/2002	CCQ2026A				67	39	50	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120120162	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	21/08/2002	CCQ2012C				82	37	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120170504	LÊ SĨ NGHĨA	03/05/2002	CCQ2017O							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120170581	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG NGHĨA	10/08/2002	CCQ2017Q				80	51	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120170298	VÕ TRUNG NGUYỄN	30/07/2001	CCQ2017I				76	65	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2120170545	DƯƠNG MINH NHẬT	21/02/2002	CCQ2017P				76	45	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120190017	TRẦN THỊ YẾN NHI	25/09/2002	CCQ2019A				87	82	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2120120335	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	19/10/2002	CCQ2012J				81	52	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120170479	NGUYỄN HỒNG QUÂN	08/08/2002	CCQ2017N				75	45	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001155

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 11**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **23/04/2022**

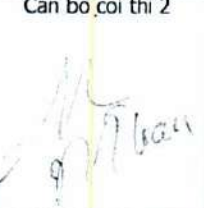
Giờ: **14:45**

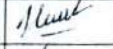
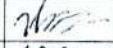
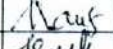
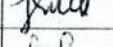
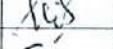
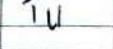
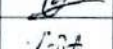
Phòng thi: **D4-21**

Số SV có mặt: **30**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120070027	NGUYỄN HỮU TÀI	25/01/2002	CCQ2007A				84	75	79	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2118110151	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	02/09/2000	CCQ1817H				85	69	75	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2119200226	ĐẶNG PHÚC THỊNH	31/07/2001	CCQ1920G				82	78	80	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2120260065	TRẦN VÕ THỊ THANH	18/09/2002	CCQ2026B				83	59	69	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
25	2120170553	LÊ NGỌC TIẾN	02/01/2002	CCQ2017P				77	85	70	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2119120237	HỒ THỊ THÙY	27/04/2001	CCQ1912G				63	56	59	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
27	2120120068	ĐẬU THỊ TỔ	21/10/2001	CCQ2012B				83	41	58	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
28	2119120575	NGUYỄN THỊ TRINH	17/09/2001	CCQ1912P				85	61	71	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2120170730	TRIỆU VĂN TÚ	05/10/2002	CCQ2017N				70	44	54	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2120170631	NGUYỄN DUY TÙNG	09/07/2002	CCQ2017R							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2118100230	HOÀNG THỊ ÁNH	06/10/1999	CCQ1810C				75	68	71	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2120170595	LÊ VĂN ÚT	25/07/2002	CCQ2017Q				88	54	68	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
33	2119200261	LÊ VĂN VIỆT	28/08/2001	CCQ1920H				75	68	71	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9